TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HOÁ** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06/02/2023
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tưởng Thị Thu và ông Nguyễn Xuân Tuyến.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lương Chung Duy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa: Ông Đặng Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 212/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022, về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐST - HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ma Thị S, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn Làng T, xã Kiên Đ, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn Bắc N, xã Ngọc H, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt lần 02 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Ma Thị S trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kiên Đ, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang năm 2018, được hai bên gia đình cưới hỏi theo đúng phong tục tập quán, sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống tại thôn Bắc N, xã Ngọc H, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khoảng

cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, anh T nghi ngờ chị có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, anh T chửi, tát chị, nên chị đã bỏ về gia đình nhà bố mẹ đẻ cùng con. Anh T có đến nhà bố mẹ chị để xin lỗi, nhưng chị thấy mâu thuẫn quá lớn, không thể hàn gắn được nên không chấp nhận. Phía gia đình hai bên có biết, có tiến hành hòa giải mâu thuẫn vợ chồng, nhưng cả hai bên đều không thống nhất được quan điểm nên không quay lại được với nhau. Chị và anh T bắt đầu sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Trong suốt thời gian sống ly thân cả hai không liên lạc với nhau, không phát sinh quan hệ tình cảm. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cả hai đã sống ly thân từ lâu, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 07/11/2019, hiện nay cháu T đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị T, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, anh Nguyễn Văn T trình bày:* Anh và chị Ma Thị S tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kiên Đ, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang năm 2018. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống tại thôn Bắc N, xã Ngọc H, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 11/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh nghi ngờ chị S có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, anh có tát và chửi chị S nên chị S bỏ về gia đình nhà bố mẹ đẻ. Ngay sau đó anh cũng đã đến nhà bố mẹ đẻ của chị S để đón chị S về với mong muốn hàn gắn tình cảm nhưng chị S không đồng ý, gia đình hai bên có biết, có tiến hành hòa giải nhưng không thành. Anh và chị S bắt đầu sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Trong suốt thời gian sống ly thân cả hai không liên lạc với nhau, không phát sinh quan hệ tình cảm. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nay chị S làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh thì anh nhất trí.

- Về con chung: Anh và chị S có 01 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 07/11/2019, hiện nay cháu Thu đang sống cùng chị S. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, anh không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương được biết: Anh Nguyễn Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Bắc N, xã Ngọc H, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Chị Ma Thị S và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kiên Đ ngày 22/11/2018. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng chung sống tại thôn Bắc Ngõa, xã Ngọc Hội, huyện Chiêm Hóa. Chị S và anh T chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là chị S và anh T bất đồng quan điểm trong việc làm ăn,

anh T nghi ngờ chị S có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, cả hai nhiều lần cãi chửi, đánh nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Đầu năm 2020, chị S và anh T bắt đầu sống ly thân, chị S đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Hiện nay anh T đang đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về địa phương thăm gia đình. Anh T đang ở đâu, làm gì thì địa phương không nắm được thông tin nào. Chị S và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Thị T, sinh năm 2019, hiện cháu T đang sống cùng chị S.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng Dân sự, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ma Thị S, xử cho chị Ma Thị S được ly hôn anh Nguyễn Văn T; về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 07/11/2019 cho chị Ma Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; về tài sản chung, vay nợ chung: Chị S, anh T đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét; về án phí và quyền kháng cáo: Chị Ma Thị S phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Ma Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn Bắc N, xã Ngọc H, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, sau khi Tòa án tiến hành hòa giải anh T đi làm ăn xa nhà, nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ anh T đang ở đâu, làm gì. Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đối với anh T, anh T không đến Tòa án làm việc, vắng mặt không có lý do, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ma Thị S vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do, nên căn cứ các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

- Về hôn nhân: Chị Ma Thị S và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kiên Đ, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang ngày 22/11/2018, do vậy quan hệ hôn nhân của chị S và anh T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn chị Ma Thị S và anh Nguyễn Văn T chung sống tại thôn Bắc N, xã Ngọc H, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Chị S và anh T chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh T nghi ngờ chị S có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, anh T có hành vi đánh, chửi chị S. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng chị S và anh T vẫn không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, do đó cả hai đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay và không còn quan tâm, liên lạc với nhau nữa. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh T đã rất trầm trọng, mâu thuẫn đã diễn ra trong thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S, xử cho chị S được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị S và anh T có 01 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 07/11/2019 hiện đang sống cùng chị S, chị S và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tòa án đã tiến hành xác minh thu nhập bình quân hàng tháng của lao động phổ thông tại địa phương nơi chị S và anh T sinh sống, kết quả cho thấy thu nhập bình quân hàng tháng của lao động phổ thông tại thôn Bắc N, xã Ngọc H, huyện Chiêm H là 4.000.000 đồng/người/tháng, tại thôn Làng T, xã Kiên Đ, huyện Chiêm H là 3.400.000 đồng/người/tháng. Hội đồng xét xử thấy rằng, nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con của cả hai đương sự đều chính đáng, chị S và anh T đều là lao động tự do, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con như nhau, con chung là con gái, còn nhỏ tuổi, cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp của mẹ. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cháu Nguyễn Thị T cho chị Ma Thị S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị S và anh T đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Ma Thị S phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn T không phải nộp án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ vào:* Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ma Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ma Thị S được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 07/11/2019 cho chị Ma Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Ma Thị S phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005413 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Chị S đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- THADS huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã Kiên Đài;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Mạnh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tưởng Thị Thu **Nguyễn Xuân Tuyến** **Hoàng Mạnh Tuấn**